TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Đào Duy Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H Ch; đăng ký thường trú: Thôn ThTr, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn 1, xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ; nơi cư trú: Thôn ThTr, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Phạm Thị H Ch trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày

25/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong tình cảm, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 23/01/2018 và Phạm Gia B, sinh ngày 15/11/2020. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh H và giao cháu Phạm Gia B cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự thoả thuận với anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn Đ vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Toà án nhưng tại Biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 04/6/2024, anh Đ trình bày:

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị Ch trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong tình cảm, tâm sinh lý, vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên, do vẫn còn tình cảm vợ chồng và con còn nhỏ nên anh không đồng đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị H Ch.

Về con chung: Anh và chị Ch có 02 con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 23/01/2018 và Phạm Gia B, sinh ngày 15/11/2020. Trường hợp ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh tự thoả thuận với chị Ch, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Phạm Thị H Ch được ly hôn với anh Phạm Văn Đ; về con chung: Giao con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 23/01/2018 cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc

có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Phạm Gia B, sinh ngày 15/11/2020 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị Ch và anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Phạm Thị H Ch có đơn xin ly hôn với anh Phạm Văn Đ có nơi cư trú tại xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H Ch và anh Phạm Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 25/5/2018. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Ch và anh Đ đều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ch xin ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, qua xác minh tại địa phương và gia đình anh Đ xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ch và anh Đ như nội dung chị Ch và anh Đ trình bày là đúng từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ch và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H Ch xin ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

[4] Về con chung: Chị Ch và anh Đ đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 23/01/2018 và Phạm Gia B, sinh ngày 15/11/2020. Khi ly hôn, chị Ch đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh H, giao cháu Phạm Gia B cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ có nguyện vọng được trự tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, con chung Phạm Thanh H là Nữ hiện đang sinh sống cùng chị Ch, con chung Phạm Gia B là Nam và hiện đang sinh sống cùng anh Đ, chị Ch và anh Đ đều có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Phạm Thanh H cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Gia B cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con, do chị Ch và anh Đ xin tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch và anh Đ không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Ch phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H Ch được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 23/01/2018 cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Phạm Gia B, sinh ngày 15/11/2020 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thoả thuận, không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ch phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Ch đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0009318 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị Ch đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ch và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã VA, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh